

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 59/2025/DS-PT

Ngày 27/02/ 2025

V/v “*Tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp thừa kế theo di chúc*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Thẩm phán: Ông Trần Bá Kha.

Bà Trần Thị Trâm Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 302/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp đòi tài sản, tranh chấp thừa kế theo di chúc*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2025/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Á, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Số E B, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn bà Phan Thị Á: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q - Văn phòng L, thuộc đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- Bị đơn: Anh Chiêm Thanh H, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số B L, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của bị đơn anh Chiêm Thanh H: Luật sư Phạm Hoàng K - Văn phòng L1, thuộc đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967 (có mặt);

Cùng địa chỉ: A H, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A N, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Chị Trịnh Nguyễn Như N1, sinh năm 2001 (vắng mặt);

Địa chỉ: D N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ A ấp T, xã G, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. Ông Nguyễn D, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: C S, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Phan Thị Á và bị đơn anh Chiêm Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phan Thị Á trình bày:*

Bà với ông Trịnh Văn T1 chung sống với nhau vào năm 1979, vợ chồng bà có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 01 người con chung tên là Trịnh H1, sinh năm: 1983. Đến năm 1981 vợ chồng bà có tạo lập được tài sản chung gồm: thửa đất số 48, tờ bản đồ số 17, diện tích 88,6m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất, tọa lạc tại số E đường U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 566371 do UBND thành phố R cấp ngày 17/3/2020.

Đến khoảng năm 1983 vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống nên bà và ông T1 sống ly thân một thời gian. Trong quá trình ly thân vợ chồng bà vẫn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ lẫn nhau trong cuộc sống. Sau đó bà và ông T1 đã hàn gắn và chung sống lại với nhau.

Con của bà tên là Trịnh H1 chết năm 2020 và chồng bà là ông Trịnh Văn T1 chết ngày 24/02/2023. Sau khi ông T1 chết thì bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị M là

cháu của ông T1 khóa cửa nhà không cho bà vào nhà, từ đó phát sinh mâu thuẫn và tranh chấp đến nay.

Bà đã làm đơn yêu cầu UBND phường R hòa giải, yêu cầu giao trả nhà. Tại buổi hòa giải bà M, bà N xuất trình bản di chúc lập ngày 03/6/2021 của ông Trịnh Văn T1, có chứng thực của UBND phường R có nội dung là để lại toàn bộ căn nhà trên cho anh Chiêm Thanh H, anh H phải có trách nhiệm cho cháu nội của bà và ông T1 tên là Trịnh Nguyễn Như N1, sinh năm 2001(con của Trịnh H1) 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Theo bà thấy việc bà N và bà M chiếm giữ nhà đất và bản di chúc trên là trái pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên bà Á khởi kiện yêu cầu cụ thể như sau:

1. Yêu cầu công nhận toàn bộ tài sản chung của bà với ông Trịnh Văn T1 gồm: Phần đất tại thửa số 48, tờ bản đồ 17 diện tích 88,6m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận CO 566371 do UBND thành phố R cấp cho ông Trịnh Văn T1 đứng tên ngày 17/3/2020.

2. Yêu cầu hủy bỏ di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 có chứng thực tại UBND phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Yêu cầu bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M, anh Chiêm Thanh H phải trả cho bà toàn bộ tài sản nhà đất thửa số 48, tờ bản đồ 17 diện tích 88,6m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận CO 566371 do UBND thành phố R cấp cho ông Trịnh Văn T1 đứng tên ngày 17/3/2020.

** Theo đơn phản tố, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Chiêm Thanh H trình bày:*

Anh không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Á, vì di chúc do ông Trịnh Văn T1 tự nguyện lập theo đúng quy định của pháp luật.

Anh yêu cầu công nhận di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 có chứng thực tại UBND phường R; Yêu cầu công nhận tài sản là nhà, đất tại thửa số 48, tờ bản đồ số 17 diện tích 88,6m² tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 566371 do UBND thành phố R cấp ngày 17/3/2020 cho ông Trịnh Văn T1 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh theo di chúc của ông Trịnh Văn T1.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Chiêm Thanh H có ý kiến: Bà Phan Thị Á và ông Trịnh Văn T1 không đăng ký kết hôn cũng không sống chung với nhau. Di chúc là đúng chữ ký của ông Trịnh Văn T1 và đúng nguyện vọng của ông Trịnh Văn T1 lúc

còn sống, nên anh yêu cầu công nhận di chúc cho anh. Theo anh thì bà Phan Thị Á cũng không có đóng góp công sức gì trong việc tạo lập tài sản nhà đất này, vì đất này do cậu của anh được ông bà cho từ trước, bà Á cũng không sống chung với ông T1 ngày nào.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M và bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:*

Các bà là cháu ruột của ông Trịnh Văn T1. Ông T1 chỉ có 01 người con tên là Trịnh H1 (chết năm 2020). Bà Phan Thị Á và ông Trịnh Văn T1 chỉ sống chung với nhau cách đây khoảng 40 năm, không tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhà đất tại số E U 10 là của mẹ ông T1 cho ông T1, không liên quan gì đến bà Á. Nhà lúc đó hiện trạng nhà thiếc, dưng vách tole, nền xi măng, mái tole từ đó đến nay không thay đổi. Theo hai bà xác định thì nhà, đất này không phải là tài sản chung của bà Á và ông T1 mà là tài sản riêng của ông Trịnh Văn T1, vì bà Á không có công sức gì đóng góp trong nhà, đất này. Tại thời điểm ông T1 lập và ký di chúc là ông T1 còn minh mẫn, nhưng do ông T1 đi lại khó khăn nên cán bộ Tư pháp Phường R, thành phố R đưa thủ tục lập di chúc lại nhà cho ông T1 ký tên.

Các bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Á, vì di chúc do ông Trịnh Văn T1 tự nguyện lập theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản này là tài sản thừa kế theo di chúc hợp pháp của ông Trịnh Văn T1 để lại cho anh Chiêm Thanh H nên hiện nay anh H nhờ các bà trông coi nhà là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị M có ý kiến như sau: Di chúc ông Trịnh Văn T1 tự ký tên, có ông Nguyễn Thành D và bà Trần Thị M1 làm chứng ký tên vào di chúc. Lúc còn sống ông T1 có nói là bà Á không có chăm sóc gì cho ông, nên ông không để lại tài sản nhà, đất nói trên cho bà Á mà ông T1 để lại cho cháu ruột một phần tài sản. Nên di chúc của ông T1 là hoàn toàn tự nguyện bằng ý chí của ông T1 và anh H cũng không có ý định chiếm đoạt tài sản gì hết. Tài sản ông T1 để lại cho anh H đã đưa phần bằng tiền cho Trịnh Nguyễn Như N1 sinh năm 2001 (con của anh Trịnh H1). Bà là người trực tiếp nuôi ông T1 lúc đó thiếu tiền, bà Á không quan tâm. Lúc ông T1 lập di chúc ông T1 ước tính giá trị căn nhà và đất khoảng 400.000.000 đồng, nên ông T1 cho cháu N1 200.000.000 đồng là phù hợp.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Nguyễn Như N1 trình bày:*

Chị có nhận 200.000.000 đồng theo Biên nhận giao tiền ngày 04/6/2021 đã ký giữa chị với anh Chiêm Thanh H. Tiền này là tiền ông T1 cho chị để đi học. Chị có cam đoan khi nhận tiền xong là căn nhà tọa lạc tại 55 U, khu phố A, phường R, thành phố R để làm nhà thờ cúng chứ chị không có quyền sang bán, không tranh chấp. Chị

không biết gì về di chúc, chị không tranh chấp gì trong vụ án này, sau này nếu ai sang bán nhà đất thì chị sẽ tranh chấp sau. Nguồn tiền 200.000.000 đồng ở đâu thì chị không biết rõ, chị chỉ biết số tiền 200.000.000 đồng này là của ông Trịnh Văn T1 cho.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang quyết định:*

- Chấp nhận một phần khởi kiện yêu cầu đòi nhà và đất số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của bà Phan Thị Ánh .

Buộc anh Chiêm Thanh H giao cho bà Phan Thị Á số tiền bằng 2/3 một kỳ phần thừa kế theo pháp luật của giá trị đất và tài sản gắn liền với đất (nhà và cây xoài) tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là 181.248.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

- Không chấp nhận yêu cầu hủy di chúc của bà Phan Thị Ánh . Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Chiêm Thanh H. Công nhận di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 được chứng thực tại UBND phường R là di chúc hợp pháp, có hiệu lực. Công nhận quyền sử dụng đất thửa số 48, tờ bản đồ 17 diện tích 88,6m² theo giấy chứng nhận CO 566371 do UBND thành phố R cấp ngày 17/3/2020 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang của anh Chiêm Thanh H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 14/10/2024 nguyên đơn bà Phan Thị Á có đơn kháng cáo và ngày 16/10/2024 bà Á có đơn kháng cáo bổ sung với nội dung: Yêu cầu sửa bản án sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Á, yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên ông H trả lại tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và tuyên anh H phải nộp án phí 9.000.000 đồng, vì bản án sơ thẩm phát hành thiếu nội dung này.

** Ngày 15/10/2024, bị đơn anh Chiêm Thanh H kháng cáo với nội dung: Yêu cầu sửa 1 phần bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, theo hướng không công*

nhận việc chia cho bà Phan Thị Á 2/3 tài sản của ông Trịnh Văn T1 với giá trị là 181.248.000 đồng.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Nguyên đơn bà Phan Thị Ánh G nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà không đồng ý kháng cáo của bị đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, theo hướng chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H.

- Bị đơn anh Chiêm Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích pháp của bị đơn là Luật sư Phạm Hoàng K yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, theo hướng chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H; không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh .

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, áp dụng khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm buộc bị đơn anh Chiêm Thanh H phải chịu theo quy định; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H; sửa bản án số 70/2024/DS-ST ngày 01/10/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự và phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á và bị đơn anh Chiêm Thanh H về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Ánh .

Bà Á kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Á, công nhận phần đất tại thửa số 48, tờ bản đồ 17 diện tích 88,6m² và căn nhà cấp 4 gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận CO 566371 do UBND thành phố R cấp cho ông Trịnh Văn T1 đứng tên ngày 17/3/2020 là tài sản chung của vợ chồng bà Á; Yêu cầu hủy bỏ di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 có chứng thực tại UBND phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; Buộc bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M, anh Chiêm Thanh H trả lại toàn bộ tài sản nhà, đất nói trên cho bà Á.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phan Thị Á và ông Trịnh Văn T1 chung sống với nhau vào năm 1979, không có đăng ký kết hôn, trong thời gian chung sống bà Á và ông T1 có một người con chung. Đến năm 1983 ông T1 và bà Á đã ly thân với nhau và từ thời gian đó bà Á và ông T1 độc lập về kinh tế, không cùng chung hộ khẩu vì bà Á không có đăng ký thường trú tại E U, khu phố A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, đến thời điểm ông T1 chết thì bà Á cũng không phải là người lo đám tang cho ông T1, nhưng đã chấm dứt từ năm 1983 (trước ngày 01/01/1987). Tuy nhiên, từ đó đến nay bà Á và ông T1 vẫn không có chung sống với ai. Nên theo quy định của Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/năm 2000 của Quốc hội và theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/6/2001 thì trường hợp bà Á và ông T1 được xem là hôn nhân thực tế.

Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố R, tỉnh Kiên Giang cung cấp thể hiện nguồn gốc đất là do ông Trịnh Văn T1 quản lý và sử dụng ổn định từ năm 1975, liên tục không có ai tranh chấp, ông T1 xây dựng nhà vào năm 1976 và hiện nay hiện trạng nhà đã xuống cấp.

Bà Á cũng thừa nhận là trước khi bà chung sống với ông T1 thì ông T1 đã có căn nhà và đất nói trên. Bà Á cho rằng, toàn bộ nhà, đất do bà Á tôn tạo và sửa chữa. Tuy nhiên, bà Á không có cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho yêu cầu của bà là có căn cứ. Thời điểm ông Trịnh Văn T1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2020 là thời gian bà Á và ông T1 đã không còn sống chung với nhau. Theo đó, cấp sơ thẩm xác định nhà và đất tọa lạc tại 55 U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là tài sản riêng của ông Trịnh Văn T1 tạo lập, hình

thành trước khi sống chung với bà Á và xác định không phải là tài sản chung giữa ông T1 với bà Á là có căn cứ.

Di chúc ngày 03/6/2021 của ông Trịnh Văn T1 được lập thành văn bản, đánh máy, có 02 người làm chứng và được Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R chứng thực, có chữ ký tên và ghi họ tên Trịnh Văn T1. Người làm chứng bà Trần Thị M1 và cán bộ phường ông Danh T2 xác nhận thời điểm ông T1 lập di chúc là ông T1 còn minh mẫn, được đọc lại di chúc và tự ký tên, điểm chỉ vào di chúc. Về hình thức di chúc được lập thành văn bản, có 02 người làm chứng bản chất đã đủ đảm bảo về hình thức được quy định tại Điều 634 của Bộ luật dân sự. Thời điểm lập di chúc có chứng nhận y khoa đối với ông T1 còn đủ nhận thức để nhận biết nội dung lập di chúc. Qua lời khai của người làm chứng, qua xác minh lời khai của ông Danh T2 thì xác định đúng chữ ký tên của ông T1 trên di chúc vào thời điểm đó ông T1 còn minh mẫn, sáng suốt để ý thức được việc lập di chúc. Hơn nữa nội dung di chúc có dành phần 200.000.000 đồng cho cháu ruột của ông T1 là đảm bảo quyền lợi cho người thuộc hàng thừa kế thứ nhất chứ ông H không phải chiếm chọn tài sản để lập không di chúc như trình bày của bà Á.

Do vậy, căn cứ vào các Điều 624, 625, 626, 627, Điều 630, 631, Điều 634, 635 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận di chúc lập ngày 03/6/2021 của ông Trịnh Văn T1 được chứng thực tại UBND phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là hợp pháp.

Do đó, cấp sơ thẩm công nhận quyền sử dụng đất thửa số 48, tờ bản đồ 17 diện tích 88,6m² và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận CO 566371 do UBND thành phố R cấp ngày 17/3/2020 cho ông Trịnh Văn T1 đứng tên là của anh Chiêm Thanh H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Theo nhận định và phân tích trên xét thấy kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là công nhận nhà đất là tài sản chung của vợ chồng bà Á; huỷ di chúc lập ngày 03/6/2021; buộc bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị M và anh Chiêm Thanh H trả lại toàn bộ tài sản nhà, đất nói trên cho bà Á là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H:

Anh H yêu cầu không công nhận việc chia cho bà Phan Thị Á 2/3 giá trị của 01 kỷ phần di sản của ông Trịnh Văn T1 với số tiền là 181.248.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, di sản thừa kế là nhà đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang có giá trị theo chứng thư định giá số 3085/CT-BDS/ĐV ngày 24/10/2023 của Công ty TNHH Đ xác định giá trị quyền sử dụng đất là 516.272.000 đồng, giá trị công trình xây dựng trên đất là 25.637.000

đồng, giá trị cây trồng trên đất là 1.835.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 543.744.000 đồng.

Như đã nhận định ở mục [2] công nhận di chúc lập ngày 03/6/2021 của ông Trịnh Văn T1 được chứng thực tại UBND phường R là hợp pháp. Do đó phần di sản chị Trịnh Nguyễn Như N1 được hưởng theo di chúc là 200.000.000 đồng. Căn cứ Điều 644 Bộ luật dân sự, bà Phan Thị Á được hưởng 2/3 giá trị của 01 kỷ phần thừa kế theo pháp luật. Do vậy cấp sơ thẩm giữ nguyên di chúc và buộc anh H trả bằng giá trị cho bà Á cụ thể: tổng giá trị nhà đất và cây trồng hiện tại là 543.744.000 đồng/2 (02 người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật) x 2/3 của một kỷ phần với số tiền là 181.248.000 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm anh H cũng không có cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho việc kháng cáo của anh là có căn cứ. Do đó, hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của anh H như hội đồng xét xử đã nhận định ở phần trên.

[4] Xét kháng cáo của bà Á về chi phí tố tụng: Xét thấy, cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết về chi phí định giá tài sản; nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, nghĩa vụ chịu án phí đối với những người được hưởng thừa kế trong bản án sơ thẩm, là có thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H; Sửa bản dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Theo hướng buộc các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

[5] Về chi phí định giá tài sản:

Buộc nguyên đơn bà Phan Thị Á, bị đơn ông Chiêm Thanh H phải chịu chi phí định giá tài sản số tiền là 3.800.000 đồng theo hoá đơn GTGT số 00000062 ngày 15/11/2023 của Công ty TNHH Đ. Mỗi người phải chịu 50%. Bà Á đã nộp tạm ứng, buộc ông Chiêm Thanh H phải hoàn trả lại cho bà Á số tiền là 1.900.000 đồng.

[6] Về án phí:

[6.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Phan Thị Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền đối với phần di sản thừa kế được nhận số tiền là 181.248.000 đồng x 5% = 9.062.400 đồng. Tuy nhiên, bà Á là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

Bị đơn anh Chiêm Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần di sản thừa kế được nhận số tiền là 162.496.000 đồng x 5% = 8.124.800 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 theo biên lai thu số 0007713 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, anh Chiêm Thanh H còn phải nộp số tiền là 7.524.800 đồng.

[6.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á được chấp nhận một phần, nên bà Á không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H không được chấp nhận, nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0007617 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Phan Thị Á; Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Chiêm Thanh H.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 70/2024/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 630, Điều 631, Điều 634, Điều 635, Điều 644 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Á đối với bị đơn anh Chiêm Thanh H.

Buộc bị đơn ông Chiêm Thanh H phải có nghĩa vụ giao cho nguyên đơn bà Phan Thị Ánh kỷ P thừa kế mà bà Á được hưởng số tiền là 181.284.000 đồng (một trăm tám mươi một triệu, hai trăm tám mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan Thị Á về việc yêu cầu hủy di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Chiêm Thanh H về việc yêu cầu công nhận di chúc của ông Trịnh Văn T1 lập ngày 03/6/2021 được chứng thực tại Ủy ban nhân dân phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Công nhận quyền sử dụng đất thửa số 48, tờ bản đồ số 17, diện tích 88,6m² theo giấy chứng nhận CO 566371 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 17/3/2020 và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số E U, khu phố A, phường R, thành phố R, tỉnh Kiên Giang là của ông Chiêm Thanh H.

5. Về chi phí định giá tài sản:

Tổng số tiền thẩm định giá tài sản theo hoá đơn GTGT số 00000062 ngày 15/11/2023 của Công ty TNHH Đ là 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng). Buộc nguyên đơn bà Phan Thị Á, bị đơn anh Chiêm Thanh H mỗi người phải chịu số tiền là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng). Do bà Á đã tạm ứng số tiền này, nên buộc anh Chiêm Thanh H phải trả lại cho bà Á số tiền là 1.900.000 đồng (một triệu chín trăm nghìn đồng).

6. Về án phí:

6.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Á là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

- Buộc bị đơn anh Chiêm Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 8.124.800 đồng (tám triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007713 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang. Anh Chiêm Thanh H còn phải nộp số tiền là 7.524.800 đồng (bảy triệu năm trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng).

6.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Phan Thị Á là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định.

- Buộc bị đơn ông Chiêm Thanh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007617 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND thành phố Rạch Giá;
- Chi cục THADS thành phố Rạch Giá;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Phong